|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr- BKHĐT | Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2015 |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định quy định chi tiết**

**và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật được thông qua tại Kỳ họp thứ 8 Quốc hội Khóa XIII, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

**1. Sự cần thiết và căn cứ xây dựng Nghị định:**

Luật đầu tư giao Chính phủ quy định chi tiết 13 điều, khoản về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; biện pháp bảo đảm đầu tư; ngành, nghề ưu đãi đầu tư; chính sách hỗ trợ đầu tư; thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP và một số nội dung khác liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Ngoài Nghị định 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP đã được ban hành ngày 14/2/2015 để hướng dẫn thực hiện Luật đầu tư công và Luật đầu tư cũng như 02 văn bản khác quy định về hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, Chính phủ cần ban hành Nghị định này để quy định chi tiết toàn bộ nội dung còn lại.

Mặt khác, theo thẩm quyền quy định tại Hiến pháp và Luật tổ chức chính phủ, Chính phủ cần quy định các biện pháp tổ chức triển khai thi hành luật và phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan chính phủ trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc thẩm quyền của mình.

**2. Mục tiêu và yêu cầu xây dựng Nghị định:**

Mục tiêu tổng thể của Nghị định là nhằm góp phần tạo dựng khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ và minh bạch cho việc thi hành Luật đầu tư. Những mục tiêu cụ thể gồm:

*Một là,* quy định chi tiết nguyên tắc, cách thức áp dụng và thực hiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh cũng như cũng như cơ chế tập hợp, công bố, giám sát thi hành các quy định về vấn đề này nhằm bảo đảm thực hiện nhất quán nguyên tắc: nhà đầu tư được tự do đầu tư kinh doanh trong tất cả các ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

*Hai là,* cụ thể hóa một số quy định về bảo đảm đầu tư và chính sách ưu đãi đãi đầu tư đối với một số ngành, nghề, địa bàn nhằm tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ chế bảo hộ, khuyến khích đầu tư phù hợp với các cam kết hội nhập của Việt Nam, đồng thời bảo đảm thu hút đầu tư chọn lọc và có hiệu quả.

*Ba là,* hướng dẫn thực hiện một số quy định của Luật nhằm cải cách thủ tục hành chính trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập tổ chức kinh tế đến triển khai, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và các hoạt động kinh doanh.

*Bốn là,* quy định chi tiết nội dung, trách nhiệm và cơ chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh giữa các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan đăng ký đầu tư nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác này.

Để thực hiện những mục tiêu nêu trên, những nội dung của Nghị định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Luật đầu tư, các luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh, đồng thời kế thừa và hoàn thiện những quy định hiện hành còn phù hợp với quy định của các Luật này cũng như thực tế triển khai hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 22/1/2015 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1686/VPCP-KTTH ngày 12/3/2015, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức xây dựng Nghị định này theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến các đối tượng quan tâm, đồng thời gửi Bộ, ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp và Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến bằng văn bản.

Trong quá trình hoàn thiện Dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, Ban Thư ký Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam (VBF), Hiệp hội doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài… tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm để trao đổi trực tiếp với các doanh nghiệp, chuyên gia trong nước và nước ngoài cũng như đại diện cơ quan quản lý về đầu tư ở Trung ương và địa phương.

Đồng thời với việc xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo và có văn bản yêu cầu các Bộ, ngành khẩn trương rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh áp dụng đối với 267 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Phụ lục 4 của Luật đầu tư (bao gồm một số điều kiện đầu tư áp dụng riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài) để tập hợp và đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp kể từ ngày Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (1/7/2015).

III. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngoài 02 Phụ lục quy định về Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, Dự thảo Nghị định có 06 Chương, 79 Điều, gồm những nội dung chủ yếu sau:

**1. Chương I. Những quy định chung**

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, trừ những nội dung đã được quy định trong Nghị định khác hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm:

- Lĩnh vực, điều kiện, thủ tục thực hiện dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng PPP (Khoản 2 Điều 27 Luật đầu tư);

- Hoạt động đầu tư ra nước ngoài (Chương V Luật đầu tư);

- Hoạt động mua bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài (Điểm d Khoản 1 Điều 52 Luật đầu tư);

- Tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao (Điều 75 Luật đầu tư).

Ngoài ra, dự thảo Nghị định quy định một số biện pháp tổ chức thi hành Luật đầu tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được phân công cho Chính phủ, đồng thời làm rõ một số nội dung chưa được quy định cụ thể trong Luật này nhằm tạo thuận lợi cho việc áp dụng và thực hiện pháp luật.

1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 2):

Luật đầu tư đã quy định một số khái niệm mới, thay thế các khái niệm đã được sử dụng trước đây tại Luật đầu tư 2005 và Luật đầu tư nước ngoài (như giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...). Tuy nhiên, một số quy định chuyển tiếp của Luật đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cũng như điều ước quốc tế vẫn tiếp tục đề cập đến các khái niệm nêu trên. Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các quy định này, đồng thời bảo đảm tính khả thi và minh bạch của hệ thống pháp luật, Dự thảo Nghị định tiếp tục duy trì một số khái niệm này trên cơ sở kế thừa các quy định tương ứng trước đây, đồng thời bổ sung một số khái niệm mới phù hợp với mục đích điều chỉnh của Nghị định.

1.3. Bảo lãnh chính phủ và bảo đảm cân đối ngoại tệ (Điều 3):

Luật đầu tư giao Chính phủ quy định chi tiết những vấn đề này phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ. Trong thời gian qua, Chính phủ đã ban hành nghị định quy định về cơ chế cấp bảo lãnh chính phủ đối với các khoản vay; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục dự án được ưu tiên cấp bảo lãnh chính phủ. Ngoài ra, Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) cũng quy định cụ thể biện pháp bảo đảm cân đối ngoại tệ và bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng PPP. Do vậy, Dự thảo Nghị định dẫn chiếu thực hiện quy định về đối tượng, điều kiện và thủ tục áp dụng biện pháp bão lãnh chính phủ và cân đối ngoại tệ phù hợp với quy định của các văn bản nêu trên.

1.4. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật (Điều 4):

Dự thảo Nghị định đã hướng dẫn thực hiện vấn đề này theo hướng quy định chi tiết hình thức văn bản pháp luật mới và căn cứ xác định ưu đãi đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư không được cấp các loại giấy tờ xác nhận ưu đãi đầu tư. Mặt khác, Khoản 4 Điều 4 của Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung văn bản đề nghị của nhà đầu tư về việc áp dụng các biện pháp bảo đảm đầu tư theo quy định của Luật đầu tư cũng như thủ tục xem xét, giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.5. Nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh (Điều 5).

Điều này được thiết kế trên cơ sở kế thừa và hoàn thiện các quy định hiện hành về hồ sơ dự án đầu tư và nguyên tắc giải quyết thủ tục hành chính trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh của các nhà đầu tư.

**2. Chương II. Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**

Chương này có 9 Điều quy định chi tiết thi hành Điều 6 Luật đầu tư về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; Điều 7 về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và Điều 8 về sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; trong đó:

2.1. Mục 1 quy định về cách thức áp dụng các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, gồm những nội dung:

- Quy định các trường hợp ngoại lệ được phép sản xuất, sử dụng một số sản phẩm thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật đầu tư (Điều 7).

- Quy định cụ thể các hình thức áp dụng điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng thống nhất cho mọi cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài khi tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề thuộc Danh mục 267 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Phụ lục 4 Luật đầu tư (các Khoản 1,2,3 Điều 8). Ngoài các điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng thống nhất cho mọi cá nhân, tổ chức kinh tế như được trình bày ở trên, khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư theo hình thức góp vốn, mua lại phần vốn góp, cổ phần của tổ chức kinh tế hoặc đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhà đầu tư nước ngoài còn phải đáp ứng một số điều kiện đầu tư khác được áp dụng dưới một hoặc một số hình thức như: (i) điều kiện về tỷ lệ góp vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế; (ii) điều kiện về hình thức đầu tư, phạm vi thực hiện hoạt động đầu tư; (iii) đối tác Việt Nam tham gia hoạt động đầu tư và các điều kiện khác theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (các Khoản 4,5 Điều 8).

- Quy định nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài theo các điều ước quốc tế về đầu tư. Theo đó, trường hợp điều ước quốc tế về đầu tư có quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài khác với quy định của Luật đầu tư, các luật, pháp lệnh, nghị định có liên quan thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của các điều ước quốc tế có quy định khác nhau về ngành, nghề hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh được lựa chọn áp dụng quy định tại một trong các điều ước đó (Điều 9).

- Quy định nguyên tắc áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện quy định trước đây tại Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Theo đó, đối với các hoạt động đầu tư thực hiện tại Việt Nam, nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài được quyền lựa chọn áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư phải có văn bản cam kết không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện hoạt động đầu tư đó (Điều 10).

2.2. Mục 2 quy định chi tiết các yêu cầu soạn thảo, đăng tải quy định về ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như cơ chế rà soát, tập hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định về vấn đề này. Những nội dung chủ yếu của Mục này gồm:

- Quy định các yếu tố cấu thành của điều kiện đầu tư kinh doanh (như: tên, nội dung, hình thức áp dụng, cơ quan có thẩm quyền quản lý), trong đó xác định những yêu cầu cụ thể về nội dung điều kiện đầu tư kinh doanh được thể hiện dưới hình thức giấy phép (Điều 11).

- Quy định về cách thức tập hợp, đăng tải, cập nhật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như quyền hạn, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các hoạt động này (Điều 12).

- Quy định về hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung quy định về ngành về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh. Theo đó, căn cứ đề xuất của Bộ, ngành về việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ xem xét, quyết định việc thực hiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung quy định của Luật đầu tư về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Đối với việc sửa đổi, bổ sung các điều kiện đầu tư kinh doanh quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, Bộ, ngành chủ trì soạn thảo văn bản theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (các Điều 13, 14).

- Quy định về cơ chế rà soát, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện các quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh, gồm những nội dung: (i) căn cứ, phạm vi rà soát, đánh giá; (ii) nội dung rà soát, đánh giá; (iii) cơ chế tiếp nhận, tổng hợp và xử lý báo cáo rà soát, đánh giá (Điều 15).

**3. Chương III. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư**

Chương này có 02 Mục, 04 Điều (16, 17, 18, 19) quy định chi tiết đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư và các hình thức, thủ tục hỗ trợ đầu tư; trong đó:

3.1. Mục 1 quy định về ưu đãi đầu tư gồm những nội dung:

- Quy định chi tiết các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 15 Luật đầu tư, dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Phụ lục 1 của Dự thảo Nghị định) và dự án đầu tư thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư (Phụ lục 2 của Dự thảo Nghị định). Các Danh mục này được thiết kế phù hợp với quy định tương ứng của Luật đầu tư và được rà soát, tập hợp trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, trong đó Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư đã được cập nhật, hoàn thiện trên cơ sở những thay đổi về địa giới hành chính của một số địa phương.

- Cụ thể hóa tiêu chí xác định dự án có quy mô lớn, dự án đầu tư tại vùng nông thôn; tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ để làm căn cứ áp dụng ưu đãi đầu tư, đồng thời quy định nguyên tắc áp dụng mức ưu đãi đối với các dự án và đối tượng nêu trên (các Khoản 2, 3, 4 Điều 16).

- Quy định cụ thể tiêu chí xác định ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư mới và đầu tư mở rộng (Điều 17).

- Quy định điều kiện, thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và dự án không thuộc diện phải thực hiện thủ tục này cũng như thời điểm áp dụng ưu đãi đầu tư và thủ tục điều chỉnh ưu đãi đầu tư (các Điều 18, 19).

3.2. Mục 2 quy định về các hình thức hỗ trợ đầu tư, gồm những những nội dung:

- Dẫn chiếu thực hiện các hình thức hỗ trợ đầu tư đã được quy định theo các Nghị định của Chính phủ về doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác (Điều 20).

- Cụ thể hóa quy định về hình thức, phương thức hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế và cơ chế phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại các khu này (các Điều 21, 22, 23, 24). Những nội dung này được thiết kế trên cơ sở kế thừa, hoàn thiện quy định hiện hành của Nghị định 108/2006/NĐ-CP và phù hợp với quy định của Luật đầu tư.

**4. Chương IV. Thủ tục đầu tư**

Chương này có 06 Mục, gồm: quy định chung về thủ tục đầu tư (Mục 1), thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mục 2), thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư (Mục 3), thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư (Mục 4), thủ tục thành lập và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mục 5), thủ tục triển khai dự án đầu tư (Mục 6).

Luật đầu tư đã quy định đầy đủ và chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư, thành lập tổ chức kinh tế và thực hiện dự án đầu tư. Do vậy, ngoài việc quy định chi tiết về thẩm quyền của cơ quan đăng ký đầu tư, số lượng hồ sơ và quy trình tiếp nhận, giải quyết một số thủ tục nêu trên, Chương này tập trung hướng dẫn thực hiện một số vấn đề sau:

4.1.Về trình tự thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất (Điều 25):

Nhằm minh bạch hóa và áp dụng thống nhất các quy định về thủ tục đầu tư đối với các dự án có sử dụng đất, đồng thời tạo cơ chế liên thông thực hiện một số thủ tục về đầu tư, đất đai và xây dựng, Dự thảo Nghị định quy định trình tự và nội dung hoạt động cụ thể mà nhà đầu tư cần tiến hành để triển khai dự án (như giới thiệu địa điểm, đánh giá tác động môi trường, quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp phép quy hoạch, xây dựng....). Căn cứ quy định này, nhà đầu tư có thể yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước thực hiện đồng thời một hoặc một số các thủ tục ngay trong quá trình thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4.2. Về thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mục 2):

Luật đầu tư đã quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đề xuất thực hiện dự án đầu tư và các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng đất đai, công nghệ cũng được xem xét ngay trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư. Những quy định này tạo cơ sở pháp lý để thực hiện liên thông 02 thủ tục riêng là quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Để bảo đảm thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo quy định nêu trên của Luật đầu tư, ngoài việc quy định cụ thể các điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Điều 32), Dự thảo Nghị định quy định những nội dung sau:

- Đối với dự án thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư, *Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không được yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hồ sơ dự án đầu tư hoặc xem xét lại nội dung đã được chấp thuận trong văn bản quyết định chủ trương đầu tư (Khoản 1 Điều 32 và Khoản 1Điều 33).*

- Đối với dự án không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư chỉ cần nộp 01 bộ hồ sơ dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ (Khoản 2 Điều 33). Như vậy, theo quy định này, số lượng hồ sơ cũng như thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã giảm đáng kể (từ 08 bộ hồ sơ giảm xuống 01 bộ và từ 35-45 ngày xuống còn 15 ngày).

4.3. Về thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (Mục 3):

Luật đầu tư chưa quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư. Do vậy, Mục 2 quy định chi tiết những nội dung này tại các Điều 35, 36, 37, 38. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội thực hiện theo Nghị định riêng của Chính phủ.

4.4. Về thủ tục thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài và thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mục 4):

Theo quy định của Luật đầu tư, việc thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện sau khi nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đây là một thủ tục riêng được tiến hành theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Tuy nhiên, để đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm tính liên thông trong việc thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài, Dự thảo Nghị định khẳng định nguyên tắc: *Cơ quan đăng ký kinh doanh không được yêu cầu nhà đầu tư nộp thêm bất kỳ loại giấy tờ nào khác, ngoài hồ sơ theo quy định của Luật doanh nghiệp và không được xem xét lại những nội dung liên quan đến dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Khoản 2 Điều 39).*

Liên quan đến việc thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (các Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 39) dự thảo Nghị định quy định những nội dung sau:

- Trong trường hợp có dự án đầu tư mới ngoài dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (bao gồm các tổ chức thuộc một trong các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư) phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như quy định đối với nhà đầu nước ngoài. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp nêu trên chỉ phải thực hiện thủ tục thông báo cho Cơ quan đăng ký đầu tư việc thực hiện dự án đầu tư mới gồm những nội dung: tên dự án đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, ưu đãi đầu tư (nếu có). Việc thực hiện dự án đầu tư mới không nhất thiết phải thành lập tổ chức kinh tế khác.

- Trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc thực hiện dự án đầu tư mới dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục điều chỉnh hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới trước khi thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.

- Trong quá trình hoạt động, tổ chức kinh tế được bổ sung ngành, nghề kinh doanh mà không nhất thiết phải có dự án đầu tư.

4.5. Về thủ tục góp vốn, mua lại phần vốn góp, cổ phần của tổ chức kinh tế (Mục 5):

Luật đầu tư đã quy định cụ thể điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục góp vốn, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định về vấn đề này, Dự thảo Nghị định cụ thể hóa một số nội dung sau:

- Khẳng định nguyên tắc: nhà đầu tư nước ngoài không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần phần vốn góp của tổ chức kinh tế (Khoản 1 Điều 41).

- Quy định nội dung cụ thể của thông báo về việc đăng ký góp vốn, mua lại phần vốn góp, cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế và thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh của tổ chức kinh tế sau khi hoàn tất các thủ tục nêu trên (các Khoản 4, 5 Điều 41).

- Quy định về việc áp dụng các điều kiện, thủ tục đầu tư đối với tổ chức kinh tế sau khi nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua lại phần vốn góp, cổ phần phù hợp với quy định của Luật đầu tư (Điều 42).

4.6. Về thủ tục triển khai dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh (Mục 6):

Mục này có 11 Điều quy định chi tiết việc thực hiện một số thủ tục trong quá trình triển khai dự án đầu tư và hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư, như trách nhiệm triển khai dự án đầu tư, bảo đảm thực hiện dự án đầu tư, tài khoản vốn đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, giãn tiến độ đầu tư, tạm ngừng dự án đầu tư, thanh lý dự án đầu tư….Những nội dung quan trọng được quy định trong Mục này gồm:

- Quy định về bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (Điều 44): Dự thảo Nghị định quy định nghĩa vụ bảo đảm thực hiện dự án của nhà đầu tư dưới hình thức ký quỹ. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên tổng số vốn mà nhà đầu tư cam kết góp và huy động tại văn bản đề nghị thực hiện dự án. Cơ quan đăng ký đầu tư căn cứ vào quy mô, tính chất và tiến độ thực hiện của dự án để quyết định mức ký quỹ theo nguyên tắc lũy tiến từng phần. Khoản tiền ký quỹ được nộp vào một tài khoản của cơ quan đăng ký đầu tư mở tại một ngân hàng thương mại, được hưởng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và được hoàn trả theo tiến độ thực hiện dự án.

- Quy định về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Điều 51): Ngoài việc quy định chi tiết trình tự, thủ tục chấm dứt dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Điều 51 hướng dẫn cụ thể điều kiện, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp cơ quan đăng ký đầu tư không liên lạc được với nhà đầu tư (Khoản 4 Điều 51).

**5. Chương V. Quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư**

**N**ội dung về quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh đã được quy định tại Luật đầu tư. Để hướng dẫn thực hiện các quy định về vấn đề này phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành các biện pháp triển khai thi hành luật, Chương V của Dự thảo Nghị định (gồm 04 Mục) quy định những nội dung sau:

5.1. Mục 1 quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư, gồm: (i) nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư; (ii) nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư; (iii) quy trình xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư; (iv) nhiệm vụ , quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư (gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, các Bộ, ngành khác và UBND cấp tỉnh). Phần lớn các quy định về vấn đề này được thiết kế trên cơ sở cập nhật, hoàn thiện nội dung Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về vấn đề này (các Điều 53, 54, 55, 56).

5.2. Mục 2 quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động của các KCN, KCX, KKT gồm: (i) nội dung quản lý nhà nước đối với KCN, KCX, KKT; (ii) trách nhiệm quản lý nhà nước đối với KCN, KCX, KKT; (iii) nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý KCN, KCX, KKT (các Điều 57, 58, 59). Hầu hết những nội dung này được quy định trên cơ sở cập nhật, hoàn thiện quy định tương ứng tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP.

5.3. Mục 3 quy định về hệ thống thông tin, chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, gồm: (i) nội dung báo cáo và kỳ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước; (ii) nội dung báo cáo và kỳ báo cáo của tổ chức kinh tế; (iii) thời hạn báo cáo; (iv) quản lý và vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; (vi) chế độ kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động đầu tư. Tương tự quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư, những nội dung về chế độ báo cáo cũng được thiết kế trên cơ sở cập nhật, hoàn thiện một số quy định trong Quyết định của Bộ kế hoạch và Đầu tư đã được thực hiện ổn định, có hiệu quả trong thời gian qua (các Điều 60, 61, 62, 63, 64).

5.4. Mục 4 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh trong quản lý hoạt động đầu tư. Theo đó, ngoài những nhiệm vụ được giao theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Luật đầu tư, Chính phủ phân công Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện một số nhiệm vụ khác (Điều 65).

Dự thảo Nghị định cũng quy định nhiệm vụ, quyền hạn quản lý hoạt động đầu tư của một số Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Những nội dung nêu trên được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tương ứng của Nghị định 108/2006/NĐ-CP, nhưng đã được cập nhật, hoàn thiện để phù hợp với quy định mới của Luật đầu tư, đặc biệt là những thay đổi trong các quy định về thủ tục đầu tư và công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh (các Điều 66, 67).

Điểm mới trong nội dung Mục này là quy định về cơ chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư kinh doanh từ công tác xây dựng cơ chế, chính sách, xúc tiến đầu tư đến cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và quản lý hoạt động đầu tư kinh doanh (các Điều 68, 69).

**6. Chương 6. Tổ chức thực hiện**

6.1. Mục 1 quy định các điều khoản chuyển tiếp:

Nhằm duy trì ổn định môi trường đầu tư kinh doanh nói chung và hoạt động của nhà đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành nói riêng, Dự thảo Nghị định quy định một số điều khoản chuyển tiếp đối với hồ sơ dự án đầu tư được nộp trước ngày Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Theo đó, đối với hồ sơ dự án đầu tư tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư áp dụng quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ để thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đầu tư, điều chỉnh dự án đầu tư cho nhà đầu tư, trừ trường hợp nhà đầu tư đề nghị được áp dụng quy định của Luật đầu tư và Nghị định này (Điều 70).

Dự thảo Nghị định quy định các quyền, nghĩa vụ và nguyên tắc thực hiện các hoạt động đầu tư đối với nhà đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực theo nguyên tắc bảo đảm quyền lựa chọn của nhà đầu tư trong việc áp dụng pháp luật đối với hoạt động đầu tư được thực hiện trước thời điểm nêu trên (các Điều 71, 72, 73, 74,75,76,77).

6.2. Mục 2 quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định:

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2015.

Để phù hợp với quy định của Luật đầu tư, Dự thảo Nghị định bãi bỏ từ 1/7/2016 những quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành (Điều 78).

Dự thảo Nghị định cũng bãi bỏ Danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, Danh mục địa bàn ưu đãi thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP, Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 79).

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

Các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, nhà đầu tư và doanh nghiệp đã thống nhất về cơ bản kết cấu cũng như những nội dung của Dự thảo Nghị định. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu ý kiến để hoàn thiện nhiều nội dung của Dự thảo Nghị định (Bản tổng hợp ý kiến kèm theo). Đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin báo cáo như sau:

**1. Áp dụng điều kiện đầu tư kinh doanh đối với các ngành, nghề mà Việt Nam chưa cam kết mở cửa theo các điều quốc tế:**

- Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, đối với ngành, nghề mà Việt Nam không cam kết mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài hoặc không được liệt kê cụ thể trong Danh mục cam kết của Việt Nam theo các điều ước quốc tế thì Bộ, ngành phải trình cấp có thẩm quyền ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh cụ thể theo quy định của Luật đầu tư. Trường hợp không có văn bản quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thì được hiểu ngành, nghề đó không hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Loại ý kiến thứ hai cho rằng, đối với ngành, nghề nêu trên thì việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hay không sẽ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất vì những lý do sau:

- Bảo đảm thực hiện nguyên tắc “chọn bỏ” về ngành, nghề và điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư và phù hợp với cam kết của Việt Nam trong hầu hết các điều ước quốc tế về đầu tư đã ký kết hoặc đang đàm phán (như Hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ, Hiệp đinh song phương về đầu tư Việt Nam- Nhật Bản, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương- TPP….);

- Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định vấn đề này trong từng trường hợp cụ thể dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật tùy tiện, thiếu tinh minh bạch, đồng thời gây chậm trễ quá trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhất là trong điều kiện Luật đầu tư đã cắt giảm thời hạn cấp từ 35-45 ngày xuống còn 15 ngày.

**2. Về áp dụng điều kiện đầu tư kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau**

Một trong những vướng mắc phổ biến trong quá trình thực hiện điều ước quốc tế hiện nay là chưa có quy định về nguyên tắc áp dụng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác nhau về điều kiện đầu tư áp dụng cho cùng một đối tượng.

Về vấn đề này, có 02 loại ý kiến như sau:

- Loại ý kiến thứ nhấtđề nghị áp dụng nguyên tắc: nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của các điều ước quốc tế về đầu tư có quy định khác nhau về ngành, nghề hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh được lựa chọn áp dụng quy định tại một trong các điều ước đó.

- Loại ý kiến thứ haiđề nghị không cho phép nhà đầu tư lựa chọn áp dụng điều ước quốc tế vì việc áp dụng này phải căn cứ vào quy định cụ thể của từng điều ước. Hơn nữa, theo quy định của Công ước Viên về điều ước quốc tế thì trong trường hợp có sự khác nhau giữa các điều ước quốc tế thì điều ước được ký kết sau sẽ được áp dụng.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất vì những lý do sau:

*Một là*, nhiều điều ước quốc tế về đầu tư không quy định nguyên tắc xử lý trong trường hợp điều ước đó có quy định khác với các điều ước có liên quan. Do vậy, việc căn cứ vào quy định của điều ước quốc tế trong trường hợp này là không khả thi.

*Hai là,* việc áp dụng điều ước quốc tế theo hướng thuận lợi hơn cho nhà đầu tư là vấn đề thuộc chủ quyền của mỗi quốc gia và điều này thể hiện thiện chí của quốc gia đó đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là nguyên tắc được thừa nhận tại Điều 26 Công ước Viên về điều ước quốc tế. Theo đó, mỗi điều ước quốc tế đang có hiệu lực đều ràng buộc các Bên tham gia và phải được thực hiện một cách có thiện chí.

*Ba là,* pháp luật đầu tư cũng như thực tiễn quản lý hoạt động đầu tư đều dành cho nhà đầu tư quyền được lựa chọn điều kiện đầu tư thuận lợi trong trường hợp pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề. Trên thực tế, đối với hoạt động đầu tư trong các ngành giáo dục, y tế, du lịch..., nhà đầu tư Nhật Bản đã được hưởng sự đối xử thuận lợi theo quy định tại Hiệp định đầu tư song phương Việt Nam- Nhật Bản, thay vì phải tuân thủ điều kiện đầu tư hạn chế hơn theo Biểu cam kết về dịch vụ của Việt Nam trong WTO.

**3.** **Về việc áp dụng Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư**

- Loại ý kiến thứ nhất đề nghị ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư để làm căn cứ áp dụng thống nhất ưu đãi về thuế và ưu đãi về sử dụng đất đai. Theo đó, Dự thảo Nghị định cần bãi bỏ Danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và Danh mục địa bàn ưu đãi thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP.

- Loại ý kiến thứ hai đề nghị chỉ áp dụng ưu đãi về sử dụng đất (gồm ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp) theo quy định tại các Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuế được áp dụng theo Danh mục riêng ban hành theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thực hiện theo loại ý kiến thứ nhất vì những lý do sau:

- Bảo đảm tính nhất quán và đồng bộ trong chính sách đầu tư và chính sách thuế, đồng thời phù hợp với chủ trương đã được Chính phủ thống nhất tại Nghị quyết số 102/2013/NQ-CP;

- Việc tiếp tục duy trì Danh mục địa bàn ưu đãi thuế theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và Nghị định số 87/2010/NĐ-CP theo loại ý kiến thứ hai nêu trên là không phù hợp với những thay đổi về địa giới hành chính trong thời gian qua.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Lãnh đạo Bộ;  - Các đơn vị: ĐTNN, ĐKKD, QLKKT, PTDN, QLKT, GSTĐ,  - Lưu VT, PC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Bùi Quang Vinh** |